

## VÙNG ĐẤT VÀ CON NGƯỜI PHƯƠNG NAM TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA MỘT SỐ NHÀ VĂN NAM BỘ GIAI ĐOẠN 1954 - 1975

• ThS. Nguyễn Ngọc Phú<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Văn học Nam bộ 1954 - 1975 thể hiện những góc nhìn về đất và người phương Nam. Góc nhìn đời tư - hoài niệm của Đoàn Giỏi về Nam bộ khi trên đất Bắc. Những rừng tràm, dòng sông, cánh đồng, những tập tục văn hóa nông thôn Nam bộ và hình ảnh con người rất đáng tự hào. Góc nhìn mang đậm phong tục của Sơn Nam, những đặc thù trong cách ứng xử, lối sống, cách nghĩ và tình cảm người dân miền Nam ở buổi đầu khẩn hoang, mở đất. Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng rất xuất sắc khi phản ánh cuộc chiến tranh nhân dân. Góc nhìn sử thi của truyện ngắn Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng bổ sung cho những góc nhìn của Đoàn Giỏi và Sơn Nam, đưa lại cho độc giả ý niệm hoàn chỉnh về đất và người Nam bộ.*

*Từ khóa: đất, người phương Nam, nhà văn Nam bộ, 1954 - 1975.*

### 1. Đặt vấn đề

Văn học ở mỗi vùng miền có những đặc sắc riêng, trong đó văn học Nam Bộ để lại cho độc giả những ấn tượng rất đậm đà. Nói đến văn học Nam Bộ trước 1945, ta thường nhắc tới các tên tuổi như: Huỳnh Tịnh Của (1834 - 1907), Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898), Trương Minh Ký (1855 - 1900), Nguyễn Trọng Quản (1865 - 1911), Trần Chánh Chiếu (1868 - 1919), Nguyễn Chánh Sắt (1869 - 1947), Lê Hoàng Mưu (1879 - 1941), Hồ Biểu Chánh (1884 - 1858), Trương Duy Toản (1885 - 1957), Phi Vân (1917 - 1977),... Sau năm 1945, những tác giả nổi bật thường được nhắc đến là Bình Nguyên Lộc (1914 - 1987), Trang Thế Hy (1924), Đoàn Giỏi (1925 - 1989), Sơn Nam (1926 - 2008), Nguyễn Quang Sáng (1932 - 2014), Anh Đức (1935 - 2014)... Thông qua những truyện ngắn, tiểu thuyết và những công trình khảo cứu về đất và người phương Nam, chúng ta hiểu thêm một thời oanh liệt của ông cha ta trong quá trình khai phá vùng đất mới này. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về từng nhà văn đó, tuy nhiên, hiện vẫn rất cần một cái nhìn khái quát về đất và người phương Nam qua sáng tác của Sơn Nam, Anh Đức, Đoàn Giỏi, Nguyễn Quang Sáng - tức là những tác giả đã có những cách tiếp cận độc đáo về đối tượng này trong giai đoạn văn học 1954 - 1975.

### 2. Góc nhìn đời tư - hoài niệm với Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi

Đất rừng phương Nam ra đời trên miền Bắc trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt. “Nhớ miền Nam” trở thành động lực tình cảm đã thôi thúc nhà văn viết nên tác phẩm này. *Đất rừng phương Nam* là tác phẩm nổi bật nhất trong sự nghiệp sáng tác của Đoàn Giỏi. Bối cảnh câu chuyện rất đặc trưng cho vùng Tây Nam Bộ, với rừng tràm bạt ngàn, dòng sông mênh mông, con đò bập bênh, tôm cá đầy đàn, đã mang đến cho người đọc nhiều cảm nhận thú vị về bối cảnh, con người, tập tục văn hóa của vùng nông thôn Nam Bộ. Thông qua câu chuyện về một cậu bé lưu lạc thời kỳ kháng chiến chống Pháp, tác giả đã giới thiệu về đất rừng phương Nam, với những con người trung hậu, trí dũng, một lòng một dạ theo kháng chiến. Bối cảnh trong *Đất rừng phương Nam* là một vùng đất thiên nhiên ưu đãi, cánh đồng bát ngát, cánh rừng bạt ngàn trù phú,... Đoàn Giỏi hay hoài niệm về quê hương Tiền Giang, cho dù sinh sống ở đâu ông cũng luôn hướng về quê hương. Từ nỗi nhớ quê hương da diết ấy, tác giả như gửi tâm trạng mình vào văn chương, biến nó thành tác phẩm mộc mạc, gần gũi nhưng cũng rất trau chuốt. Không những yêu quý và tự hào về quê hương của mình, Đoàn Giỏi còn yêu thiết tha những nơi mình đã đặt chân đến. Phải chăng với ông, nơi nào cư mang mình, thì nơi đó là quê hương.

#### 2.1. Niềm nhớ thương về những tên vùng, tên đất, tên sông

Nam Bộ gây ấn tượng trước hết từ những

<sup>(\*)</sup> Nghiên cứu sinh, Khoa Sư phạm Ngữ văn - Sử - Địa, Trường Đại học Đồng Tháp.

địa danh. Các địa danh được nhắc tới trong tác phẩm phản ánh khá rõ đặc điểm, tình hình của vùng đồng bằng sông nước, đồng thời cũng nêu bật được tâm trạng và cách suy nghĩ của người Nam Bộ khi đặt tên đất, tên làng, tên xóm trong quá trình khai phá và xây dựng vùng đất mới. Các địa danh mang nhiều chất Nam Bộ thường có thành tố “Cái”: *Cái Keo, Cái Chanh, Cái Bèo*. Lại có những địa danh có thành tố gắn với địa hình của vùng sông nước miền Tây Nam Bộ như “Rạch”, “Vàm”, “Chợ”: *Rạch Giá, Rạch Kiến, Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Chợ Lớn*,... Một số địa danh Hán Việt, có thành tố biểu thị một ý nghĩa “tích cực”, như “An”, “Bình”, “Long”, “Thạnh”, “Tân”, “Phú”, “Mỹ”: *Tân An, Phú Lâm, Mỹ Tho*,...; và một lớp địa danh có thể có nguồn gốc từ tiếng Khmer, như lớp địa danh có thành tố “Sóc”, “Tà”, “Ôi”... Đọc tác phẩm, ta như được đi trong lòng miền Nam yêu thương, đến thăm những địa danh của vùng đất Nam Bộ từ sông Tiền, sông Hậu trải dài đến Rạch Giá, Kiên Giang, rồi xuống tận vùng U Minh, sau đó dừng lại ở Năm Căn, Cà Mau, Sài Gòn, Phú Lâm, Chợ Lớn, Tân An, Định Tường, Mỹ Tho, Trung Lương, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Vàm Láng, Chác Bông, Bình Xuyên, Rạch Kiến, Thới Bình, Gò Cát, Gò Công, Cai Lậy, Cái Bè, Đồng Tháp Mười, Cao Lãnh, Mỹ An, Cái Bè, Bến Tre, U Minh Thượng, U Minh Hạ,... đến thăm những con sông mang hương vị phù sa tưới mát bao cánh đồng cò bay thẳng cánh. Bức tranh sơn chim của huyện Năm Căn, tỉnh Minh Hải với nhiều loài chim tập trung đông đúc, thật hấp dẫn, nó giống như một đoạn phim tài liệu khoa học về các loài chim, các loài thú. Nhà văn miêu tả bức tranh một cách linh hoạt với những điểm nhìn thay đổi chứ không phải đứng một chỗ: nhìn từ xa, lại gần, ngay cạnh, vượt qua, nhìn trở lại. Những điểm nhìn khác nhau này dẫn đến những góc quan sát, những miêu tả về sơn chim mỗi lúc cũng khác nhau. Nhìn từ xa: “*Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tua bay lên, giống hệt đàn kiến từ trong lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời*” [2, tr. 225]. Càng đến gần: “*Những bầy chim đen bay kín trời, vượn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông*” [2, tr. 226]. Lại gần hơn: “*Mỗi lúc tôi càng nghe rõ*

*tiếng chim náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng*” [2, tr. 226]. Sát ngay cạnh: “*Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá*” [2, tr. 226].

Đọc *Đất rừng phương Nam*, ai cũng phải khâm phục Đoàn Giỏi là người miêu tả thiên nhiên phương Nam rất sâu sắc. Với đoạn văn miêu tả về sơn chim, ta thấy đất nước ta bên cạnh những vùng có thời tiết khí hậu không thuận lợi, luôn luôn gặp thiên tai, mất mùa, cũng có những vùng được thiên nhiên ưu đãi, được gọi là “*xứ tiền rừng bạc biển*” [2, tr. 225]. Tác phẩm đã chứa đựng những ghi chép tỉ mỉ, cụ thể, chân xác mang tính chất tư liệu rất rõ. Viết cho độc giả Bắc, Đoàn Giỏi phải làm một việc giới thiệu thật tỉ mỉ, đây là lý do đầu tiên khiến *Đất rừng phương Nam* nói nhiều về các địa danh như vậy. Đoàn Giỏi làm ta có cảm tưởng được về lại với từng vùng miền đã qua bằng nỗi nhớ. Rõ ràng, đây là một chuyến du hành bằng tưởng tượng về với những tên vùng, tên đất, tên sông ở Nam Bộ.

## 2.2. Niềm nhớ thương trải rộng theo địa hình đặc thù của Nam Bộ

Nhà văn Đoàn Giỏi bằng niềm nhớ thương đã về lại với những cánh đồng, sông, rạch, kênh, mương, láng, lung, bầu, đầm lầy: “*Những đêm giát mình thức giác, nằm nghe tiếng gió rít thê lương từ các cánh đồng xa mông quạnh và lắng nghe tiếng nước chảy ào ào dưới chân cầu nước bắc ra con kênh thẳng tắp chạy dài vô tận trước ngôi chợ này, tôi vẫn thường vợ vẫn nghĩ như vậy*” [2, tr. 5]. Khoảng mênh mông, vô tận của những cánh đồng, con kênh miền sông nước Cửu Long hiện ra trước mắt, với cảm nhận bằng thính giác của tác giả qua tiếng gió rít, tiếng nước chảy. Đoàn Giỏi đã phác họa thành công địa hình nơi tác giả đang sống không phải bằng nét cọ của một họa sĩ mà bằng nghệ thuật ngôn từ của một nhà văn tài hoa. Ngôn từ nghệ thuật ấy không ở đâu xa lạ mà xuất phát từ cuộc sống, mà bất cứ một người Nam Bộ nào khi đọc tác phẩm có thể dễ dàng nhận ra. Những hoạt động sinh hoạt của người dân miền sông nước: bơi xuồng, gài bẫy, giăng câu, săn cá sấu, ăn ong,... cũng thật đa dạng và phong phú. Điều đó được thể hiện qua việc sử dụng nhiều từ ngữ diễn tả hoạt động ở những khía cạnh, mức độ khác nhau. Chẳng hạn khi di chuyển trên

sông người dân dùng hàng loạt các từ ngữ: chèo, kìm lái, chống xuống, bơi xuống, lái xuống, khua dầm,... Đoàn Giỏi hiểu và sử dụng các từ ngữ ấy một cách tinh tế và sâu sắc. Đi xuống người ta có thể bơi hoặc chèo đều được, nhưng nói đến “*chống xuống*” thì ta nghĩ ngay đến việc đi xuống rất khó khăn, hoặc do điều kiện xuống quá lớn, chở nhiều hàng hóa. Cũng có thể do nước quá cạn, hoặc do đường sông hẹp, có nhiều lùm đừa nước khó đi như Đoàn Giỏi đã miêu tả. Diễn tả được những hiện tượng của vùng sông nước, từ ngữ của người dân rất phong phú, nó được phân định trong nhận thức, mà người dân đồng bằng sông nước ít khi nhầm lẫn. Người dân diễn đạt sự vận động của nước bằng hàng loạt từ ngữ, trong đó những từ ngữ có tính phổ cập nhưng cũng không ít từ người dân vùng khác khó cảm nhận được sự phân biệt tinh tế giữa chúng. *Đất rừng phương Nam* hiện lên thật giàu có, trù phú với hàng loạt cây: trầm, bần, đước, mắm, vẹt, đừa nước, mù u, ô rô, gừa, chà là, sen, lục bình; nhiều con vật sống trên trời dưới biển: cua biển, ba khía, nghêu, sò, ếch, tôm càng, tôm tít, cá thòi lòi, cá lia thia, cá bống,... rần hổ đất, rần nước, rần rần ri cóc rần ri cá, rần lớn, rần bé,... rồi biết bao nhiêu là chim: *sếu xám, ó biển, cò ngà, cò trắng, cò ma*,... xuất hiện dày đặc làm hiện lên cả một vùng đất và con người miền Tây Nam Bộ thật kỳ vĩ.

### 2.3. Niềm nhớ thương thổ ngữ người Nam Bộ

Đoàn Giỏi đã đi từ nỗi nhớ này đến nỗi nhớ khác từ tên vùng, tên đất, đến địa hình đặc thù Nam Bộ, rồi từ đây niềm nhớ thương về thổ ngữ Nam Bộ cũng được tập trung khai thác rất hay. Trong cách diễn đạt của người Nam Bộ thường có hình ảnh biểu thị “*sông nước, ruộng vườn*”, đó là phương thức diễn đạt dùng những hình ảnh, hoạt động liên quan tới vùng sông rạch để so sánh. Đoàn Giỏi để cậu bé An tự nhận xét về mình: “*chính tôi cũng khó nhận ra mình trong cái hình thù quái dị này*”, bởi “*tóc tôi mọc dài gần phủ gáy, hai quầng mắt hõm sâu, cổ gầy nhom như cổ cò ma*” [2, tr. 15]. Sự thay đổi của cậu học sinh thị thành trong hoàn cảnh loạn lạc, cách miêu tả cái quần đùi thì không một cậu bé nào ở vùng đất khác có được: “*chiếc quần đùi bằng vải len của tôi thì bạc phếch ra, hai ống rách te tua như bị cá*

*chốt rĩa*” [2, tr. 15]. Người dân Nam Bộ nói để gọi tả làm tăng sắc thái, cường độ tình cảm thì hay dùng những tổ hợp từ, quán ngữ, thành ngữ hoặc nối thêm một vài tiếng: *cá chốt rĩa, trời xui đất khiến, thiệt hết nói, đi từ hồi tám hoánh, ngược nước ngược gió, không phải ngán gì nó, mắc dịch mắc gió, làm ba hột, kho ăn chơi, thêm nhân thêm nhị, khỉ ăn ớt, thấy tám ông trời, con khỉ, xa ngái, xám ngoét, đấng ngất, bành tô, đen sì*,... Nắm được đặc điểm đó, Đoàn Giỏi đã vận dụng vào tác phẩm của mình, nhờ đó mà *Đất rừng phương Nam* thêm sống động, gần gũi với người đọc: “*Kiến cắn bụng dữ rồi đây? Dì có gì cho chúng tôi làm ba hột cho đỡ đói cái dạ*” [2, tr. 25]. “*Tôi xin vô phép các ông. Tôi không uống được mà! Để tôi đi lo cho các ông nôi cháo gà dần bụng để buổi khuya đi đường*” [2, tr. 31].

Sự thoải mái, phóng khoáng trong cuộc sống cũng như trong cách nói, cách dùng từ của người dân Nam Bộ đã sáng tạo ra những từ ngữ Nam Bộ hết sức độc đáo, chỉ việc ăn cơm mà vốn từ của người dân thật phong phú. Trong mỗi trường hợp sử dụng thể hiện sắc thái biểu cảm khác nhau, diễn tả cái đói đến mức “*kiến cắn bụng*” thì ắt hẳn còn cào lăm, khó chịu lăm, nhưng con người trong cái đói tột độ đó cũng chỉ ăn ở mức “*làm ba hột*”. Trong cái đói người ta không thấy miếng ăn là to tát, “*dần bụng*” là ăn cốt chỉ để lót dạ, Đoàn Giỏi sử dụng từ ngữ này thật hay và hợp lí. Chính từ nếp sống, cách suy nghĩ và nói năng của người Nam Bộ, sự bộc trực, thẳng thắn, ít thích lối văn chương rào đón, người dân Nam Bộ thường dùng những từ rất giàu hình tượng, nhưng cũng rất phóng khoáng. Thói quen dùng *thứ* cũng được tác giả đặc biệt chú ý như *thứ kết hợp với tên gọi* (dì Tư Béo, lão Ba Ngù, Hai Râu, Mười Trí, Tư Ty, Ba Dương, anh Tư Thượng Vũ), *thứ kết hợp với nghề* (anh Sáu tuyên truyền, anh Ba thủy thủ, Tư Mắm) của người miền Nam được thể hiện trong tác phẩm. Bên cạnh sự mộc mạc chân quê, từ ngữ thuần chất Nam Bộ, cách diễn đạt các nhân vật trong *Đất rừng phương Nam* ta còn bắt gặp nhiều từ ngữ Nam Bộ được vay mượn từ tiếng Pháp theo cách riêng của người Nam Bộ: “*Anh học sinh trường cô-le, người trong ban tiếp tế đã cho tôi theo thuyền từ Hậu Giang đến đây bảo tôi*...” [2, tr. 5]. Ngôn ngữ trong *Đất rừng*

*phương Nam* với chất liệu chủ yếu được nhà văn góp nhặt từ vùng đất mà ông đang sinh sống và trải nghiệm, mang lại cho tác phẩm một dấu ấn riêng, một ấn tượng về vùng quê sông nước mà tác giả đã thông qua cuộc phiêu lưu của cậu bé An muốn giới thiệu tới bạn đọc hôm nay.

### 3. Góc nhìn văn hoá - phong tục với *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam

#### 3.1. Phong tục Nam Bộ trong *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam

*Hương rừng Cà Mau* đã dựng lại được phong tục, lối sống, suy nghĩ và tình cảm của người dân miền Nam ở buổi đầu đi khẩn hoang, mở đất, một giai đoạn đầy gian truân, khổ ải của cha ông ta, nhưng cũng rất vinh quang, rất đẹp. Câu chuyện về những người đi khẩn hoang mở đất gợi lên được cái tình keo sơn dân dã, cái tình quê hương khắc khoải. Truyện thì tất nhiên phải hư cấu, nhưng sử liệu chân thực mới là yếu tố mang lại sức sống lâu dài cho tác phẩm. Nói đến văn hóa Việt Nam không thể không kể đến văn hóa Nam Bộ - văn hóa của một lớp người tiên phong khẩn hoang mở rộng bờ cõi về phía Nam. Nói khác hơn, văn hóa Nam Bộ là sự tổng hợp về thái độ sống, cách cư xử của người miền Nam trước thiên nhiên và trước những quan hệ xã hội xung quanh. Hàng năm người dân đều tổ chức lễ hội ở đình làng gọi là lễ Kỳ Yên cầu cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, là dịp để người ta hội hè, đưa ra những câu thai đố (*Ngôi mộ chôn đứng*), làm cho mối quan hệ làng xóm bền chặt hơn, mang tính cộng đồng hơn. Đình làng là nơi thờ cúng thành hoàng, tức là những bậc tiền hiền có công khai khẩn đất hoang hay giúp đỡ người dân trong làng. Những đình làng Nam Bộ không chỉ thờ cúng thành hoàng mà còn thờ cúng những vị anh hùng dân tộc, hay các vị thần của tự nhiên. Ông hương cả Ban ở rạch Cái Cau khẳng khái xác định trước tên quan tham biện chủ tỉnh rằng đình làng này thờ ông Nguyễn Trung Trực - người mà nhà nước Lang Sa xem là kẻ phản loạn (*Con ngựa đất*).

Sống chan hòa với tự nhiên, nói như Tư Đức trong truyện *Sông Gành Hào*: “*Tôi chưa hiểu hai tiếng tín ngưỡng là gì. Tôi tin trời, tin Phật, thờ cha kính mẹ, quý mến ông bà già cả. Lại còn việc cúng vái mấy ông cọt, ông sấu. Đất có Thổ Công,*

*sông có Hà Bá*” [3, tr. 801], nên dân Nam Bộ trước khi làm công việc gì thường cúng thánh thần. Đó là một nét văn hóa tâm linh rất đẹp, sống “*tâm linh*” nên người Nam Bộ rất coi trọng chuyện thờ cúng ma chay ngay khi còn sống. Và, thường chuẩn bị cho hậu sự bằng cách xây kim tinh để đón nhận sự ra đi một cách bình thản như cậu Hai Tân trong truyện *Hai mẹ con*. Đó cũng là một cách trả hiếu trong truyện *Cậu Bảy Tiểu*, cái chết của ông hương trưởng Tạc giúp ta thấy được phong tục cúng kiếng tang ma của người miền Nam. “*Dân chúng tụ họp, chùng vài chục người, giết heo, uống rượu, đánh trống, đờn cò*”. “*Theo quan niệm chết là đến một thế giới khác nên họ ít khóc kẻo người chết đau lòng. Đó là một đám tang bình thường. Còn nếu là đám tang lớn bài bản thì phải như đám tang của ông cai tổng Hanh*” (*Xóm Cù Là*). Bên cạnh quan tài, “*một số gia nhân, quét thành bột mịn, đem trộn với cháo nếp. Họ dùng thứ “xi măng” ấy trét vào đáy quan tài, nơi mấy tấm ván ráp với nhau. Trong đáy hòm, còn đổ thêm một lớp tòng chỉ (nhựa thông). Hàng trăm cái kèn đã cuốn sẵn chất đóng. Kèn là những gói giấy bên trong chứa gòn. Gòn là chất rút nước, thứ nước từ xác chết xảy ra khi bị biến chất...*” [3, tr. 892]. Việc chọn ngày để chôn cất cũng phải được xem cho thật kỹ: “*Bởi vì trong ngày tốt có giờ xấu, ngày xấu nhưng nếu động quan nhằm giờ tốt thì mọi sự bằng an*” [3, tr. 893], dưới quan tài ông cai tổng cũng đốt liên miên nào “*vàng bạc, nào bạch đàn, huỳnh đàn*”, còn trước quan tài, đỉnh lư trầm tỏa khói, bức ảnh ông cai tổng được trưng trên bàn thờ. Qua làn khói người ta thấy dường như bức ảnh biết cười, biết nhăn nhó... mờ mờ nhân ảnh. Trên đây là cách khám phá những biểu hiện của văn hóa, phong tục Nam Bộ trong *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam, cho ta thấy được cái phong vị độc đáo của vùng đất này và càng khẳng định thêm giá trị bền vững lâu dài của tác phẩm.

#### 3.2. Văn hóa ứng xử trong *Hương rừng Cà Mau* của Sơn Nam

Văn hóa Nam Bộ mà cụ thể là văn hóa miệt U Minh trong *Hương rừng Cà Mau* hiện ra khá rõ nét với hai thế ứng xử chủ yếu mà ta có thể cảm nhận được là thế ứng xử trước tự nhiên và trước xã hội. Tự nhiên là yếu tố quyết định đến cuộc

sống của con người, với người miền Nam thì yếu tố sông nước quyết định tất cả. Hầu như trong truyện ngắn nào của Sơn Nam, yếu tố nước cũng tồn tại, nước giúp ích con người nhiều thứ trong cuộc sống, người dân cũng nương theo con nước mà sống uyển chuyển. Ở Nam Bộ có hệ thống nước ngập mặn, nước ngập phèn chua nhưng cũng có thứ nước ngọt đáng giá, nó hình thành nên những nghề nghiệp, những dụng cụ, những sản vật và địa danh, những cách nói liên quan đến nước. Nước là khởi nguồn của sự sống nhưng vào mùa lũ, khắp không gian đầy nước làm đảo lộn cuộc sống của người nông dân, phải tìm nơi cao ráo mà ở, trâu bò không có cỏ ăn phải chết, người chết thì không có chỗ chôn như trong *Một cuộc biển dâu*, thằng Kim ôm xác cha mà nước mắt tuôn xuống, khóc không ra tiếng “*đất dâu mà chôn? Tứ bề là nước. Có hai cách: một là xóc cây treo ở giữa đồng rồi treo lên mặt nước, chờ khi nước giắt mới đem chôn lại dưới đất. Như vậy mất công lắm, điều quạ hoành hành. Chi bằng bỏ xác lại rồi dần cây dần đá mà neo dưới đáy ruộng*” [3, tr. 631]. Chính trong sự gian khổ con người mới tìm ra được những cách ứng phó: nước cao thì cất nhà sàn, không địa táng được thì thủy táng...

Tuy nhiên, không phải thiên nhiên lúc nào cũng khắc nghiệt mà còn có những lúc xinh đẹp dịu dàng như những bức tranh trong *Cây huê xà*, *Chuyện rừng tràm*. Chính bức tranh thiên nhiên trữ tình đan xen những nét khắc nghiệt đã hình thành ở người nông dân những kinh nghiệm quý giá, giúp họ biết gần như tất cả những quy luật sinh tồn của tự nhiên từ cách con ong đi kiếm mồi đến từng con cá, con rắn, con rùa... Hiểu thiên nhiên, người Nam Bộ mới sinh ra đủ thứ nghề để tồn tại, để tận dụng hiệu quả những điều được ban tặng từ đất mẹ rừng già. Từ công việc đầu tiên là làm ruộng, cái nghề làm ruộng Lò Bom với giống lúa Xom Mà Ca độc đáo. Đầu tiên họ dùng phảng chặt đứt rễ cho gốc trôi lều bều: “*Hai tháng nữa, nước giắt xuống. Cỏ đã thú, trở thành loại phân tốt, rải đầy trên mặt đất. Hai tháng nữa, tức là tháng Hai tháng Ba âm lịch, trời nắng cháy. Vợ chồng Tư Cồ sẽ trở lại đó, đốt cỏ. Rồi gieo lúa giống, loại lúa Xom Mà Ca từ lúc gieo đến lúc trở bông là bốn tháng*” [3, tr. 692]. Sau đó thì họ bỏ không cho đến ngày thu hoạch, cách làm ruộng

độc đáo ấy không kém gì với nghề len trâu, cách người ta lừa hàng trăm con trâu lội bì bõm giữa biển nước tìm nơi khô ráo để sinh tồn qua mùa nước lũ.

Văn hóa Nam Bộ còn gắn liền với nhiều nghề nghiệp khác, từ những nghề nhẹ nhàng như giăng bắt cá, săn chim, đan bèo làm thành những chiếc nóp, đến những nghề nguy hiểm hơn như bắt rắn, bắt cá sấu, bắt cạp... những cái nghề mà chuyện sinh nghề tử nghiệp là điều bình thường. Dù có chua xót nhưng người ta cũng phải chấp nhận, như chuyện của Năm Điền là một ví dụ. Người ta mất bao nhiêu công sức để trị được rắn, để nó không dám cắn mình khi lại gần. Nghe lời xúi của cha con Lài, Năm Điền tìm mọi cách để lấy thông tin về bài thuốc từ người yêu. Nó thuộc lòng rất rõ năm vị: “*Ngải mọi, nước chanh, á phiện, sừng đinh, huê xà*” [3, tr. 196], mà thầy Hai rắn thường dùng. Vậy mà con gái chết, Năm Điền chết, gây đổ vỡ tình yêu, gây sự đau lòng trong thầy Hai rắn. Như vậy, có thể nói với tự nhiên, con người không như người phương Tây là tìm mọi cách để chinh phục, chế ngự mà ngược lại, người Nam Bộ trong *Hương rừng Cà Mau* hoàn toàn dựa vào cuộc sống linh động của mình so với thiên nhiên để tồn tại.

Văn hóa ứng xử trong cộng đồng xã hội cũng do điều kiện thiên nhiên quy định. Ta thấy rõ điều này qua niềm đam mê buổi đầu của cư dân là thích xem hát bội. Vì phần lớn cư dân miền Trung khi vào khai phá Nam Bộ thì đã ở tuổi trung niên, lứa tuổi mà văn hóa cá nhân đã định hình một cách rõ nét, khó thay đổi trong một thời gian ngắn nên hình thức xem hát bội cũng là một cách họ nhớ về công cha, nhớ về quê hương qua những tuồng xưa tích cũ. Một đóng góp lớn của văn hóa Nam Bộ cho văn hóa dân tộc là cải lương. Nó là một đặc sản nghệ thuật vùng sông nước khi giọng hát ngọt ngào vang lên vừa dài, vừa mềm mại như đang bồng bềnh trên sóng nước. Đó là tiếng đàn tri âm, tri kỉ khi họ đều cùng hoàn cảnh khốn khó như nhau: “*Minh là nghệ sĩ nghèo gặp nhau làm ăn thất bại, cười hát, đầu đội trời chân đạp đất mà!*” [3, tr. 542]. Hình ảnh cả đoàn cải lương lưu diễn khắp miền sông nước là một hình ảnh phổ biến và rất tự nhiên, trở thành một nét văn hóa tiêu biểu. Cuộc sống của người dân Nam Bộ

không bao giờ vắng lời ca tiếng hát: hát trên đồng ruộng, hát trong những buổi trà dư tửu hậu, hát trên sông rạch để quên đi cái mệt nhọc của công việc (*Con Bầy đũa đò*). Ngoài ra, người Nam Bộ còn một cách hát khác rất đặc trưng, là một hình thức diễn xướng dân gian bày tỏ tâm tư tình cảm của mình trước thời cuộc. Một kiểu sinh hoạt tinh thần phong phú nữa là ra thai đố, mượn ca dao hò về làm câu hát đố và thường diễn ra ở đồng miếu, hội hè nơi đông người dự. Trước thiên nhiên khắc nghiệt, người nông dân Nam Bộ dù những tay giang hồ hảo hớn hay những lưu dân hiền lành tìm miền đất mới để sinh cơ lập nghiệp thì dễ yêu thương đoàn kết với nhau. Đó là cách sống hòa hợp trọng nghĩa tình giữa ba dân tộc Kinh - Hoa - Khmer.

Sông nước quy định cuộc sống của người Nam Bộ nên nơi giao thương mua bán của vùng với những nơi khác: đó là chợ nổi. Từ hình thức manh nha đầu tiên trong truyện *Con heo đất* khi ông bà Hương Trưởng neo xuống tàu đã thấy dưới đó bán đậu phộng, người ta bán thức ăn hay cụ thể hóa hơn qua truyện *Thằng điếm vô danh*. Hiện nay ở các ngã năm, ngã bảy sông lớn, người ta vẫn họp chợ nổi trên sông, hoặc bán mặt hàng gì chỉ cần treo lên một cây sào là người ta đều biết, đó quả là một nét văn hóa đặc biệt của mảnh đất phương Nam. Tìm hiểu về vùng đất và con người Nam Bộ chúng ta không thể bỏ qua việc đi sâu khám phá con người và thiên nhiên nơi đây, mà còn phải biết cách dẫn dắt người đọc trở về với văn hóa của một thời khẩn hoang, văn hóa miền Tây Nam Bộ. Sơn Nam không chỉ làm cái việc kể về văn hóa, phong tục một cách bàng quan, đằng sau mỗi trang viết, ta luôn đọc thấy một tấm lòng thiết tha với cội nguồn dân tộc.

#### **4. Góc nhìn sử thi với truyện ngắn của Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng**

##### **4.1. Góc nhìn sử thi trong truyện ngắn về Nam Bộ của Anh Đức**

Anh Đức thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành cùng thời đại cách mạng, sự nghiệp văn học nằm trọn trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Thông qua *Hòn Đất*, Anh Đức đã giới thiệu với chúng ta một tập thể nhân dân anh hùng, mỗi người dân ở đây, trai gái, già trẻ, đều là chiến sĩ. Điều nổi bật ở họ là tinh thần

bất khuất, không sợ nguy hiểm. Tập thể nhân dân thôn Hòn Đất đã thể hiện được phẩm chất cao đẹp của họ, mang những nét cơ bản của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Các nhân vật phụ nữ trong *Hòn Đất* không chỉ là những người mẹ hiền hậu, những người vợ đảm đang, những người yêu chung thủy, mà còn là những chiến sĩ anh hùng. Chưa bao giờ cái bản chất anh hùng của người phụ nữ Việt Nam lại được bộc lộ rõ rệt như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Chủ nghĩa anh hùng cách mạng là bản chất, là đặc điểm điển hình của con người Việt Nam hiện nay. Nhà văn Anh Đức đã nhấn mạnh đặc điểm chủ yếu đó khi xây dựng hình tượng người phụ nữ Nam Bộ cũng như các nhân vật khác. Tác giả nêu bật vai trò quyết định của cuộc chiến tranh nhân dân, sức mạnh kỳ diệu của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quần chúng. Một làng nhỏ, đồng khởi chưa đầy một năm, với một ít vũ khí đã đánh lui trận càn quy mô của hơn một ngàn quân địch với đầy đủ phương tiện hiện đại. Trong cuộc chiến đấu sinh tử này, những người phụ nữ đã góp phần quan trọng của mình, cầm súng tham gia chiến đấu, bắn ngã quân giặc để trả thù cho đồng đội (Quyên). Họ là lực lượng chủ yếu trong công tác nguy vận, trong cuộc đấu tranh chính trị trực diện để phối hợp với cuộc đấu tranh võ trang (mẹ Sáu, chị Hai Thép, thím Ba Ú).

Trong mỗi vị trí chiến đấu của mình, những bà mẹ, người vợ miền Nam đã bộc lộ rõ bản chất anh hùng cách mạng. Quên sao được hình ảnh mẹ Sáu xông lên hàng đầu trước họng súng đen ngòm của bọn ác ôn, hình ảnh một cuộc biểu tình gồm toàn những người phụ nữ cầm đuốc, lũ lượt tốp trước, tốp sau, khiêng chiếc quan tài chị Sứ đi đấu tranh với giặc. Nổi bật lên là hình tượng chị Sứ bị sa vào tay giặc, bị trói vào cọc suốt một đêm bên bờ suối, bị treo lên cành cây và thậm chí bị lũ ác ôn chém gần chết, Sứ vẫn tỏ một thái độ bất khuất, không đầu hàng giặc. Thái độ anh hùng của Sứ, lòng trung thành vô hạn đối với Đảng và cách mạng đã làm cho các đồng chí, bà con cô bác nức lòng đi chiến đấu, làm cho bọn giặc phải run sợ.

Con người Nam Bộ cũng có những nét tâm lý, lối sống, phong tục tập quán rất riêng. Điều đó thể hiện ở cái cách gả con gái của bà mẹ Sáu

thật thà, trung hậu, ở tính tình bộc trực và nóng như lửa của Ba Rền, ở tiếng đàn Nam ai của ông già Tư Đờn mù nhưng giàu lòng yêu nước,... Những con người miền Nam đang chiến đấu chống Mỹ cứu nước là những người mang trong mình truyền thống tốt đẹp lâu đời của dân tộc. Chưa bao giờ các phẩm chất cao quý của dân tộc ta được phát triển rực rỡ như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Chị Sứ làm ta liên tưởng đến một Cúc Hoa, một Kiều Nguyệt Nga kiên trinh chung thủy và gần hơn, một Nguyễn Thị Minh Khai, một Võ Thị Sáu gan dạ, anh hùng. Bà mẹ Sáu, cô Quyên, chị Sứ đều có những nét đẹp riêng của người phụ nữ Việt Nam. Cái đẹp chủ yếu của Sứ, Quyên, Năm Nhỏ là cái đẹp trong tâm hồn, cái đẹp gắn liền với sự đảm đang, tần tảo và đức hy sinh. Xây dựng hình tượng người phụ nữ Nam Bộ, Anh Đức đã biết khai thác những chủ đề quen thuộc có tính truyền thống trong văn học dân tộc.

Truyện ngắn *Đất* đã thể hiện một cách nổi bật hình ảnh ông Tám Xẻo Đước, là một nhân vật tiêu biểu, dù có chết cũng không thể rời mảnh đất thân yêu của mình. Đây là một con người gắn bó với Xẻo Đước từ buổi hoang sơ. Trong tâm thức, máu thịt của ông lung linh từng cái cây, ngọn cỏ, từng kỷ niệm vui buồn. Tình yêu của ông đối với đất, với thiên nhiên thật bình dị và cũng thật thiêng liêng, nó gắn bó với cả những tháng năm làm lụng để sinh tồn. Với một loạt truyện ngắn: *Đất, Đứa con, Con chị Lộc, Khói, Ký ức tuổi thơ, Gió dậy lên từ một khu rừng, Thăng Mỹ*,... Anh Đức đã đứng ở mũi nhọn của cuộc sống, chiến đấu cùng với những con người tiền tuyến, những con người anh hùng nhất của thời đại. “*Một vấn đề rút ra từ cuộc đồng khởi... là vấn đề đấu tranh chống áp bức dân tộc... Khi ta cảm thụ hết chữ “đất”, ta sẽ không lấy làm lạ khi gặp trên đường những chiến sĩ quá trẻ hầu hết là con cái nông dân đang lớp lớp tiến ra mặt trận... Tất cả những cái đó không ngoài mục đích là giành lại sự sống - mà sự sống ở miền Nam này gần như 100% là trồng cấy ở lúa mọc lên từ các mảnh ruộng*” [9, tr. 244]. Anh Đức là một nhà văn Nam Bộ, đã gắn chặt sự nghiệp sáng tác văn học với sự nghiệp yêu nước và cách mạng của quần chúng, hiểu quần chúng và hiểu

truyền thống của người Nam Bộ. Anh Đức đã xây dựng một số nhân vật mang khí thế dân tộc, mang màu sắc riêng của Nam Bộ, nắm bắt những con người tích cực đứng dậy từ mảnh đất quê hương, những phẩm chất thẩm mỹ của hiện thực và của thời đại. Anh Đức đã sáng tạo nhiều hình tượng nghệ thuật có giá trị, đó là những cống hiến có giá trị quan trọng của Anh Đức vào nền văn học cách mạng miền Nam.

#### 4.2. Góc nhìn sử thi trong truyện ngắn về Nam Bộ của Nguyễn Quang Sáng

Góc nhìn sử thi trong truyện ngắn của Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng đã bổ sung cho những góc nhìn khác, đưa lại cho độc giả một ý niệm hoàn chỉnh về Nam Bộ giữa một thời kỳ đặc biệt của lịch sử. Ở đây, Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng đã làm sáng tỏ một Nam Bộ “*đi trước về sau*”, một Nam Bộ thành đồng của Tổ quốc với những hy sinh to lớn và phẩm chất anh hùng, bất khuất rất đáng tự hào. Con đường nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Quang Sáng kéo dài trong những năm kháng chiến chống Mỹ, những biến động của đời sống lịch sử, xã hội. Sáng tác của ông từ năm 1955 đến 1975 chủ yếu viết về cuộc sống chiến tranh với sự đan xen, kết hợp các vấn đề chiến tranh cách mạng, vấn đề thế sự, đời tư, nhưng đời tư, thế sự chịu sự chi phối của chiến tranh cách mạng, cảm hứng chủ đạo là cảm hứng sử thi với tinh thần ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng, vẻ đẹp tâm hồn của con người trong chiến đấu. Vùng đất và con người Nam Bộ trong truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng mang tính chất sử thi trên tinh thần khẳng định, ca ngợi chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những trang viết đã nêu lên những mất mát do chiến tranh tàn phá, nên tác phẩm của ông mang tính chất tố cáo tội ác của chiến tranh, thông cảm, chia sẻ sâu sắc với những nỗi đau thương mất mát của con người và vùng đất nơi đây: *Người quê hương, Ông Năm Hạng, Quán rượu người câm, Chiếc lược ngà, Bông cẩm thạch, Người đàn bà Tháp Mười, Chi xã đội trưởng*...

Vùng đất Nam Bộ được nhà văn chú ý khám phá là Cù Lao Giêng thuộc huyện Chợ Mới, An Giang, cũng như vùng Đồng Tháp Mười. Những vùng đất này đã bị kẻ thù xâm lược, không còn sự yên bình, mà là một làng quê tiêu điều, xơ xác

“qua những lần tố cộng, những trận càn, những trận đốt làng dồn dân của bọn Mỹ, không có mấy năm mà làng tan tác đi nhiều lắm” [8, tr. 54]; “Cái làng bị chiếm, buồn bã và tiêu điều làm sao. Những ngọn đèn của đồn giặc ở phía đầu doi. Lập lòe như một bầy đom đóm [8, tr. 20]. Không khí bao trùm lên cả làng quê là không khí của sự kìm kẹp đến nghẹt thở. Dòng sông trở nên vắng lặng hiu hắt: “*Khi bọn Mỹ bắn theo sông, không còn xuống ghe qua lại, con sông cũng buồn*”, “*Trên dòng sông, nắng chan đầy, sông dài hun hút... Dòng sông vắng lặng, chỉ còn những giẻ lục bình trôi lên, trôi xuống* [8, tr. 66]. Bọn Mỹ không chỉ dồn nhân dân vào ấp chiến lược, kẻ thù còn cướp bóc, vợ vét thậm chí giết chết bao nhiêu sinh mạng người dân vô tội bằng những hành vi tàn ác nhất: “*Bọn nó giết chết cha cô trong một đêm tối, nó cấm làng không ai được lấy xác. Nó neo cái xác dưới nước cho đến lúc nổi lên, lấy một tàu dừa cắm vào xác làm buồm kéo ra sông...*” [8, tr. 151]. Tất cả những hành vi này của kẻ thù nhằm làm thui chột ý chí chiến đấu của người dân miền Nam. Trong bối cảnh đó nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã làm nổi bật vẻ đẹp của con người ở vùng đất Nam Bộ này, họ mang tầm vóc của những anh hùng, kết tinh sức mạnh của cộng đồng như: cô giao liên Thu (*Chiếc lược ngà*), chị xã đội trưởng Dung (*Chị xã đội trưởng*), chị Nhung (*Chị Nhung*) mưu trí dày dặn kinh nghiệm và lòng quả cảm, tự tin khi đối phó với kẻ thù. Trong đó, có những tấm gương kiên cường bảo vệ bí mật cách mạng như: nàng Sa Rết (*Nàng Sa Rết*), em gái nhỏ (*Quán rượu người câm*). Hay những bác nông dân can trường, nghĩa khí, gác bỏ tình riêng, danh dự bản thân tự nguyện bảo vệ những chiến sĩ cách mạng như: ông Năm Hạng (*Ông Năm Hạng*), ông Ba Đạt (*Người quê hương*)...

Đó là một vùng đất, về đêm làng cứ rộn rịp, nhất là những đêm bộ đội, cán bộ tập xuống lại bến, tập nập như bến chợ khuya, nhà nào cũng rì rầm to nhỏ, mang đến cho làng tin vui, tin buồn trên chiến trường. Bên cạnh Cù Lao Giêng là không gian vùng Đồng Tháp Mười, đây là vùng đồng nước mà một thời Nguyễn Quang Sáng đã chiến đấu cùng với nhân dân trong những năm chiến tranh. Không gian cánh đồng được tái hiện một cách chân thật qua các truyện ngắn *Một chuyện vui*, *Người đàn bà Tháp Mười*,... Chính môi

trường sông nước đã rèn luyện cho con người bản năng thích nghi và tự vệ, cuộc sống của con người ở làng chủ yếu lệ thuộc vào sông nước, lại bị kẻ thù kiểm soát rất gắt gao, điều kiện sống và chiến đấu vô cùng gian khổ. Chính trong cái khó khăn khắc nghiệt đó lại lung linh tỏa sáng những khí phách, tinh thần yêu nước. Từ những con người bình thường ở nông thôn, khi kẻ thù tàn phá làng quê, giết chóc người thân thì lòng yêu làng, căm thù giặc như ngọn lửa được thổi bùng lên khiến họ phải cầm súng lên đường đi chiến đấu.

### 5. Kết luận

Văn học Nam Bộ phản ánh rất rõ về vùng đất và con người phương Nam. Đoàn Giỏi đã tìm về phương Nam bằng nỗi nhớ, nhớ về thiên nhiên, rồi những tập tục văn hóa của một vùng đất Nam Bộ. Sơn Nam thì thể hiện nét văn hóa phong tục, cách ứng xử, lối sống, cách nghĩ và tình cảm về miền Nam với những khó khăn trong buổi đầu đi mở đất. Ở nhà văn Anh Đức và Nguyễn Quang Sáng thì phản ánh cuộc chiến tranh nhân dân, sự hy sinh của nhân dân miền Nam đấu tranh và bảo vệ độc lập tự do cho dân tộc. Chia ra thành các góc nhìn như trên để dễ nhận diện tính phong phú trong cách tiếp cận với đối tượng, của các sáng tác về miền đất Nam Bộ, đồng thời cũng để thấy được các chiều hướng tìm tòi và phản ánh hiện thực của cả một nền văn học. Trong từng tác phẩm của các tác giả, ta luôn thấy sự tồn tại bên nhau của các góc nhìn, chỉ có điều là mức độ đậm nhạt của chúng có khác nhau. Chẳng hạn trong *Đất rừng phương Nam*, góc nhìn văn hóa - phong tục vẫn thể hiện rõ, hay trong *Hương rừng Cà Mau*, góc nhìn sử thi vẫn ẩn hiện khi tác giả tô đậm cốt cách vững vàng của người dân khẩn hoang giữa một thiên nhiên đầy bao dung mà cũng đầy thử thách. Trong *Hòn Đất*, bên cạnh góc nhìn sử thi vẫn có góc nhìn đời tư khi sáng tác đi sâu miêu tả số phận của các nhân vật. Như vậy, tất cả các góc nhìn không loại trừ nhau, không tồn tại độc lập. Ngược lại, chúng bổ sung cho nhau, đưa lại cho chúng ta một hiểu biết toàn diện về đất và người phương Nam, giúp độc giả nhận ra được mọi chiều kích của đối tượng, giúp chúng ta có cái nhìn đa dạng nhưng thống nhất về vùng đất và con người Nam Bộ.



**Tài liệu tham khảo**

- [1]. Anh Đức (1978), *Hòn Đất*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2]. Đoàn Giỏi (1998), *Đất rừng phương Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3]. Sơn Nam (2003), *Hương rừng Cà Mau*, tái bản, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4]. Sơn Nam (2005), *Nói về miền Nam, Cá tính miền Nam, Thuần phong mỹ tục Việt Nam*, tái bản, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Chu Nga (1997), “Anh Đức với bút ký, tiểu thuyết và truyện ngắn của anh”, *Tác gia văn xuôi Việt Nam hiện đại*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6]. Võ Phiến (2004), “Văn học miền Nam tổng quan”, <http://www.vietnamvanhien.net/vanhocmiennamtongquan.pdf>.
- [7]. Vũ Tiến Quỳnh (1994), *Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng, Sơn Nam*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8]. Tuấn Thành, Thạch Sơn, Nguyễn Hồng Hạnh, Phạm Thanh Điệp (tuyển chọn) (2007), *Nguyễn Quang Sáng Tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [9]. Bùi Việt Thắng, Nguyễn Thị Năm Hoàng (2006), *Anh Đức về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

**REGION AND PEOPLE IN THE SOUTH IN SOUTHERN WRITERS’  
SHORT STORIES - PERIOD 1954 - 1975**

**Summary**

Southern Literature in 1954 - 1975 manifested the views of the land and people of the South. Doan Gioi’s views of private life and memories of the Southern land when he was in the North with mangrove forests, rivers, fields, the cultural customs of the Southern rural villages South and the images of the residents were praiseworthy. Son Nam’s views of distinctive customs with characteristic behaviors, life styles, ways of thinking and emotions of the Southerners in the early stage of reclamation and territory expansion. Anh Duc, Nguyen Quang Sang excellently reflected the people’s war. Short stories by Anh Duc and Nguyen Quang Sang stories supplemented Doan Gioi and Son Nam’s views supplying readers full insights into the Southern land and people.

Keywords: land and people of the South, Southern Writers, 1954 - 1975.

Ngày nhận bài: 05/8/2014; ngày nhận đăng: 18/12/2014.